

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 5 - 2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Liên.

2. Ông Lê Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 836/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trương Thị Chín B - sinh năm 1993 (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2/ Bị đơn: Ông Lê Văn T - sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Khu phố 9, phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn là bà Trương Thị Chín B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu và quen biết nhau khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, tự nguyện chung

sống với nhau từ năm 2010; đến ngày 03/6/2011 đi đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Khi tổ chức đám cưới xong, vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ ông T. Đến năm 2012 thì vợ chồng chuyển về nhà cha mẹ của bà ở thôn Lạc Sơn 01, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2013 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do ông T không chịu làm ăn nên không có thu nhập; ông T lại chơi bời và thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Đến năm 2018, ông T tự bỏ mẹ con bà và về nhà cha mẹ của ông T ở khu phố 9, phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận sinh sống. Trong thời gian vợ chồng không sống chung gần 05 năm nay thì ông T có thỉnh thoảng điện thoại cho các con để hỏi thăm sức khỏe và việc học tập. Còn bà và ông T không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Trong thời gian vợ chồng có mâu thuẫn và không chung sống thì hai bên gia đình đều biết nhưng không hoà giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Hiện bà không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Bà và ông Lê Văn T có 02 con chung là Lê Thị Thu D - sinh ngày 02/01/2011 và Lê Đức D - sinh ngày 04/7/2012. Các con hiện sống với bà; khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Lê Văn T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trương Thị Chín B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 04/4/2023, nguyên đơn là bà Trương Thị Chín B vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và những ý kiến đã khai tại Tòa án.

Bị đơn là ông Lê Văn T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*Viết tắt là BLTTDS*).

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Chín B.

Về hôn nhân: Bà Trương Thị Chín B được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Thị Thu D - sinh ngày 02/01/2011 và Lê Đức D - sinh ngày 04/7/2012 cho bà Trương Thị Chín B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Trương Thị Chín B không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Bà Trương Thị Chín B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với ông Lê Văn T có nơi cư trú tại thôn khu phố 9, phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2]. *Về việc vắng mặt nguyên đơn:* Tại “Đơn xin xét xử vắng mặt” ngày 04/4/2023, nguyên đơn là bà Trương Thị Chín B xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, những ý kiến đã khai tại Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3]. *Về việc vắng mặt bị đơn:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn ông Lê Văn T nhưng ông T không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trương Thị Chín B và ông Lê Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân phường ĐH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 95, ngày 03/6/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông T là hợp pháp. Bà B và ông T chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn và đến năm 2018 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, đã sống ly thân gần 05 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà B là do ông T không chịu làm ăn nên không có thu nhập; ông T lại chơi bời và thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng hay cãi vã nhau. Sau đó ông T bỏ mẹ con bà về nhà cha mẹ sinh sống; vợ chồng bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều

lần nhưng ông T không đến Tòa án để làm việc, điều này chứng tỏ ông T thiếu thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình.

Theo biên bản xác minh ngày 16/3/2023, đại diện khu phố 9, phường DH, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm cung cấp: “... Từ năm 2018 đến nay, một mình ông T về nhà cha mẹ sinh sống, nguyên nhân ông T và bà B không sống chung 05 năm nay là do vợ chồng có mâu thuẫn”.

Xét thấy: Tình trạng mâu thuẫn giữa bà B và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên yêu cầu ly hôn của bà B được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Bà Trương Thị Chín B và ông Lê Văn T có 02 con chung là Lê Thị Thu D - sinh ngày 02/01/2011 và Lê Đức D - sinh ngày 04/7/2012. Xét yêu cầu được nuôi con của bà B, thấy rằng: Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông T bỏ đi, hai cháu D và D do bà B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Đối chiếu với công việc hiện nay là buôn bán hải sản, mức thu nhập bình quân hàng tháng của bà B là 10.000.000 đồng. Như vậy bà B có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đảm bảo được sự phát triển toàn diện của con; phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình; phù hợp với nguyện vọng của hai cháu D và D tại “Bản tự khai” ngày 07/3/2023 là được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, giao cho bà B là người được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị Chín B không yêu cầu ông Lê Văn T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Chín B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội; bà Trương Thị Chín B phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Chín B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Chín B được ly hôn ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Trương Thị Chín B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Lê Thị Thu D - sinh ngày 02/01/2011 và Lê Đức D - sinh ngày 04/7/2012.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Chín B phải chịu 300.000 đồng (*B trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*B trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004702 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trương Thị Chín B đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- Chi cục THADS Tp. Phan Rang-Tháp Chàm;
- UBND phường ĐH (Số 95, quyển số 01, ngày 03/6/2021);
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hồng

